

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 359/2020/DS-PT

Ngày: 10/12/2020

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán:

Ông Sỹ Danh Đạt

Bà Nguyễn Thị Võ Trinh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp:* Ông Phan Trung Quốc- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 378/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS - ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 414/2020/QĐ – PT ngày 26/10/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Trần Hoàng T, Sinh năm: 1989;

Địa chỉ: 210/1 ấp T M, xã T H, huyện L V, tỉnh Đ T.

- Bị đơn: Nguyễn Hoàng M, Sinh năm: 1979;

Địa chỉ: 101A/1 ấp T M, xã T H, huyện L V, tỉnh Đ T;

Nguyễn Thị K, Sinh năm: 1981;

Địa chỉ: 101A/1 ấp T M, xã T H, huyện L V, tỉnh Đ T; Tạm trú: Khóm 1, thị trấn S R, huyện T H, tỉnh Đ T.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Hoàng M là bị đơn trong vụ án.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Trần Hoàng T trình bày:

Từ năm 2016 đến năm 2019 Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thị K có đến Cửa hàng Toàn T, do Trần Hoàng T là chủ để mua vật tư nông nghiệp, tổng giá trị là 182.362.000 đồng, anh M và chị K đã trả 103.000.000 đồng, còn lại 79.362.000 đồng chưa trả, Trần Hoàng T đến đòi nhiều lần nhưng Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thị K không trả. Đến ngày 05/6/2019 Nguyễn Hoàng M tự tay ký tên, viết họ tên vào Giấy xác nhận, thừa nhận còn nợ Cửa hàng T T do Trần Hoàng T là chủ số tiền 79.362.000 đồng. Hiện nay, Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thị K đã có Quyết định ly hôn của Tòa án, cho nên Tại phiên tòa hôm nay anh T thay đổi yêu cầu, anh T yêu cầu Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị K mỗi người phải có trách nhiệm chia đôi số tiền vốn 73.000.000 đồng (anh T đồng ý giảm nợ cho anh M và chị K số tiền 6.362.000 đồng), lãi không yêu cầu.

- Bị đơn Nguyễn Hoàng M trình bày:

Nguyễn Hoàng M thừa nhận từ năm 2016 đến năm 2019 khi vợ chồng còn sống chung chưa có ly hôn thì Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thị K có đến Cửa hàng T T do Trần Hoàng T làm chủ để mua vật tư nông nghiệp, tổng giá trị là 182.362.000 đồng. Đến 01/8/2017 anh M và chị K đã trả 94.271.000 đồng, còn nợ lại 88.091.000 đồng. Sau đó chị K qua mua phân thuốc tiếp nên tổng số tiền nợ là 109.362.000 đồng; Đến ngày 14/5/2018 anh M qua nhà ông T trả thêm 30.000.000 đồng, còn nợ lại 79.362.000 đồng.

Đến năm 2018 Nguyễn Hoàng M có đến cửa hàng T T đề nghị anh T ngừng bán để Nguyễn Hoàng M trả nợ, sau đó anh T chốt lại số tiền anh M và chị K còn nợ của Cửa hàng là 79.362.000 đồng. Đến ngày 05/6/2019 Nguyễn Hoàng M tự tay ký tên, viết họ tên vào Giấy xác nhận thừa nhận còn nợ Cửa hàng T T do Trần Hoàng T là chủ 79.362.000 đồng. Nay anh T đồng ý giảm nợ cho anh M và chị K, số tiền 6.362.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 73.000.000 đồng yêu cầu anh M và chị K trả. Anh Nguyễn Hoàng M đồng ý chia mỗi người trả $\frac{1}{2}$ số tiền 73.000.000 đồng cho anh T nhưng do anh M đã trả 30.000.000 đồng là tiền cá nhân riêng của anh M trả do anh T vì thời gian đó thì anh M và chị K không còn sống chung, nhưng vợ chồng chưa ly hôn. Do đó, anh M chỉ đồng ý trả do anh T 5.000.000 đồng.

- Bị đơn Nguyễn Thị K trình bày:

Nguyễn Thị K thừa nhận từ năm 2016 đến năm 2019 khi vợ chồng còn chung sống chưa có ly hôn thì Nguyễn Hoàng M và Nguyễn Thị K có đến Cửa hàng T T do Trần Hoàng T là chủ để mua vật tư nông nghiệp, tổng giá trị là 182.362.000 đồng, đã trả 103.000.000 đồng, còn nợ lại 79.362.000 đồng chưa trả. Nay anh H T đồng ý giảm nợ cho anh M và chị K, số tiền 6.362.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 73.000.000 đồng yêu cầu anh M và chị K trả. Hiện tại, chị K và anh M đã ly hôn nên chị K đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền còn nợ cho anh Hoàng T là

36.500.000 đồng và anh M cũng phải có nghĩa vụ trả cho anh Hoàng T là 36.500.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2020/DS-ST ngày 08/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện L V đã xử:

1. Công nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho Trần Hoàng T vốn 36.500.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

2. Buộc Nguyễn Hoàng M có nghĩa vụ trả cho Trần Hoàng T vốn 36.500.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Trần Hoàng T mà Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị K chậm trả số tiền trên thì hàng tháng Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị K còn phải liên đới trả cho Trần Hoàng T thêm phần lãi thì theo mức lãi suất bằng 50% quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.

4. Án phí, tạm ứng án phí:

4.1. Nguyễn Hoàng M phải chịu 1.825.000 đồng (Một triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Nguyễn Hoàng M chưa nộp xong).

4.2. Nguyễn Thị K phải chịu 1.825.000 đồng (Một triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Nguyễn Hoàng M chưa nộp xong).

4.3. Hoàn trả lại cho Trần Hoàng T 1.985.000 đồng (Một triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0001970, ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L V, tỉnh Đ T.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên hướng dẫn thi hành bản án và thời hạn kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/7/2020, anh Nguyễn Hoàng M là bị đơn, kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 08/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện L V, anh Nguyễn Hoàng M chỉ đồng ý trả cho anh Trần Hoàng T tiền vốn 5.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh M đồng ý trả cho Hoàng T 6.500.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm anh Hoàng T, chị K, anh M đều thống nhất số tiền 30.000.000 đồng anh M trả cho anh Hoàng T là tiền bán cam có được nên xác định là tiền chung của anh M và chị K vì tại thời điểm trả tiền anh, chị chưa ly hôn. Do đó, anh M xác định là tiền riêng của anh là không có

căn cứ. Ngoài ra, anh cũng không có chứng cứ nào khác để chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 08/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét việc anh Nguyễn Hoàng M kháng cáo, anh M chỉ đồng ý trả cho anh T 6.500.000 đồng tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Anh M và chị K đều thừa nhận có mua phân, thuốc tại cửa hàng vật tư nông nghiệp của anh Hoàng T từ năm 2016 đến năm 2019 đã nợ phân, thuốc của anh Hoàng T tổng cộng 182.362.000 đồng, sau đó trả dần nhiều lần với số tổng số tiền là 103.000.000 đồng. Còn nợ lại số tiền 79.362.000 đồng. Anh Hoàng T chỉ yêu cầu anh M và chị K trả cho anh 73.000.000 đồng, anh T yêu cầu anh M và chị K mỗi người có nghĩa vụ trả cho anh 36.500.000 đồng. Chị K đồng ý trả cho anh T 36.500.000 đồng. Anh M cho rằng ngày 14/5/2018 anh M có qua nhà anh T trả cho anh T 30.000.000 đồng, đây là tiền cá nhân của anh M vì thời gian này anh M và chị K không còn sống chung, nhưng vẫn chưa ly hôn, đồng thời cũng trong năm 2018 anh M có yêu cầu anh T ngưng bán vật tư nông nghiệp cho anh và chị K để anh trả nợ. Tuy nhiên, anh M không có chứng cứ chứng minh 30.000.000 đồng là tiền riêng của anh. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm anh M thừa nhận số tiền 30.000.000 đồng trả cho anh Hoàng T ngày 14/5/2018 là tiền bán cam có được. Đồng thời, chị K cũng không thừa nhận số tiền 30.000.000 đồng trả cho anh Hoàng T là tiền riêng của anh M. Thời điểm trả số tiền 30.000.000 đồng là ngày 14/5/2018 anh M và chị K chưa ly hôn nên tiền anh M trả cho anh Hoàng T là tiền chung của vợ chồng. Ngoài ra, Giấy xác nhận nợ ngày 05/6/2019 anh M xác định còn thiếu của anh Hoàng T với số tiền 79.362.000đ. Nay anh M cho rằng, chỉ đồng ý trả 6.500.000 đồng cho anh T, phần còn lại thuộc trách nhiệm của chị K là không có cơ sở nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M.

[2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Tòa án nhân dân huyện L V đã xử: Công nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho Trần Hoàng T tiền mua phân, thuốc còn thiếu 36.500.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng). Buộc Nguyễn Hoàng M có nghĩa vụ trả cho Trần Hoàng T tiền mua phân, thuốc còn thiếu là 36.500.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng), là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L V.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng M giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 08/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện L V là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[4] Do yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng M không được chấp nhận nên anh Nguyễn Hoàng M phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Hoàng M.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 08/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện L V.
3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Hoàng T
 - 3.1 Công nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị K có nghĩa vụ trả cho Trần Hoàng T vốn 36.500.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).
 - 3.2. Buộc Nguyễn Hoàng M có nghĩa vụ trả cho Trần Hoàng T vốn 36.500.000 đồng (Ba mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng).
 - 3.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Trần Hoàng T mà Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị K chậm trả số tiền trên thì hàng tháng Nguyễn Hoàng M, Nguyễn Thị K còn phải liên đới trả cho Trần Hoàng T thêm phần lãi thì theo mức lãi suất bằng 50% quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi trả xong.
4. Án phí, tạm ứng án phí:
 - 4.1. Nguyễn Hoàng M phải chịu 1.825.000 đồng (Một triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Nguyễn Hoàng M chưa nộp xong).
 - 4.2. Nguyễn Thị K phải chịu 1.825.000 đồng (Một triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (Nguyễn Hoàng M chưa nộp xong).
 - 4.3. Hoàn trả cho Trần Hoàng T 1.985.000 đồng (Một triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0001970, ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L V, tỉnh Đ T.
5. Án phí dân sự phúc thẩm

Anh Nguyễn Hoàng M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0005279 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L V.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (Tr).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên đóng dấu)

Lê Hồng Nước